

Số: 80/2026/QĐST-DS

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 293, Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 357, Điều 401, Điều 463, 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 2, 6, 7, 34, 36 và Điều 72 của Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2026, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 298/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần C; địa chỉ trụ sở chính: số A T, phường C, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật là ông Trần Minh B, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trần Hồng Q, chức danh: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Q1; (theo Văn bản uỷ quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 25/6/2024 của người đại diện theo pháp luật);

Người được uỷ quyền lại: bà Hoàng Thị Thanh V, chức danh: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Q1; ông Lê Văn A, là Trưởng phòng G; ông Vũ Đức T, là Phó phòng Tổ chức tổng hợp; bà Trần Thu H, là Cán bộ phòng Tổ chức tổng hợp; (theo Văn bản uỷ quyền số 176/UQ-CNQN-H-TCTH

ngày 05/5/2026 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Q1).

* *Bị đơn*: anh Đỗ Văn D, sinh năm 1985; nơi thường trú: xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình; nơi ở: Cụm C, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: anh Lương Văn N, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ A, khu H, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Chấm dứt Hợp đồng số 151123-TTDHL ký ngày 15/11/2023, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Q1 và anh Đỗ Văn D.

2.2 Về số tiền phải trả: anh Đỗ Văn D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền (tạm tính đến ngày 07/7/2026) là 52.641.799 (năm mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm chín mươi chín) đồng; trong đó: nợ gốc là 45.686.360 (bốn mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm sáu mươi) đồng, nợ lãi quá hạn là 5.988.899 (năm triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi chín) đồng, phí là 966.540 (chín trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi) đồng.

2.3 Về thời hạn trả nợ: chậm nhất ngày 07/8/2026, anh Đỗ Văn D phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 52.641.799 (năm mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm chín mươi chín) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/7/2026 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

2.4 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 08/7/2026) cho đến khi thi hành án xong, anh Đỗ Văn D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức **lãi suất quá hạn** các bên thỏa thuận trong Hợp đồng số 151123-TTDHL ngày 15/11/2023, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi Nhánh Q1 và anh Đỗ Văn D.

2.5 Trường hợp đến hạn mà anh Đỗ Văn D không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số tiền là 52.641.799 (năm mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm chín mươi chín) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/7/2026 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là: quyền sử dụng 1.538,6m², kí hiệu S1, được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,1 (theo Bản đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất) và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số..., tờ bản đồ số ..., địa chỉ: thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q891921, vào sổ cấp GCN số: 00288QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 05/5/2004, người sử dụng đất: hộ ông Trịnh Văn L; ngày 24/12/2020, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H cập nhật biến động chuyển nhượng cho anh Đỗ Văn D, Lương Văn N; theo một phần Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 122/2023/HĐBĐ/NHCT30031, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Q1 và anh Đỗ Văn D, Lương Văn N; (có sơ đồ kèm theo).

2.6 Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn

không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần C thì anh Đỗ Văn D có trách nhiệm tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng số 151123-TTDHL ngày 15/11/2023, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi Nhánh Q1 và anh Đỗ Văn D.

2.7 Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà anh Đỗ Văn D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.8 Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ): cùng một đối tượng xem xét thẩm định chỗ với vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 40/2026/TLST-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2026 và đã được đề cập giải quyết tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 26/2026/QĐST-KDTM ngày 15/7/2026, nên Tòa án không đề cập xử lý.

2.9 Về án phí dân sự sơ thẩm và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Anh Đỗ Văn D tự nguyện chịu **1.316.045 (một triệu, ba trăm mười sáu nghìn, không trăm bốn mươi lăm)** đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C 1.257.612 (một triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm mười hai) đồng, tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002310 ngày 03/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Về việc rút một phần yêu cầu của đương sự: nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C rút một phần yêu cầu, không tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết: trong trường hợp anh Đỗ Văn D vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 181,3m² đất, kí hiệu S2, được giới hạn bởi các điểm 3,4,4',3',3 (theo Bản đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất), thuộc một phần thửa đất số..., tờ bản đồ số ..., địa chỉ: thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q891921, vào sổ cấp GCN số: 00288QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 05/5/2004, người sử dụng đất: hộ ông Trịnh Văn L; ngày 24/12/2020, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H cập nhật biến động chuyển nhượng cho anh Đỗ Văn D, Lương Văn N; theo một phần Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 122/2023/HĐBĐ/NHCT30031, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Q1 và anh Đỗ Văn D, Lương Văn N. Nên, Tòa án không xem xét đối với yêu cầu mà Ngân hàng Thương mại cổ phần C đã rút.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc An